

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HOA LƯ  
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2022/HS-ST  
Ngày 29-12-2022

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOA LƯ, TỈNH NINH BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Kim Oanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đinh Công Luân

Bà Lê Thị Lý

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Đặng Xuân Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 29/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 36/2022/TLST-HS ngày 30/11/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 35/2022/QĐXXST- HS ngày 16/12/2022 đối với bị cáo:

**Lê Văn Ng**, sinh năm 1992, tại huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: thôn D, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Phạm Thị H; có vợ là Phạm Thị Đài Tr và 02 con (con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2021); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/8/2022 đến ngày 18/8/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Anh Lê Hữu Đ, sinh năm 1996, trú tại: thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Hoàng O, sinh năm 1993, trú tại: thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

3. Chị Lê Thị H, sinh năm 1992, trú tại: thôn Đ, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

4. Chị Đới Thị H1, sinh năm 1983, trú tại: thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1984, trú tại: thôn B, xã N, huyện H, tỉnh N. Vắng mặt.

6. Anh Hoàng Xuân D, sinh năm 1984, trú tại: thôn B, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

7. Anh Hoàng Duy T, sinh năm 1995, trú tại: thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

8. Anh Lê Tiến Đ1, sinh năm 2001, trú tại: thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ đầu năm 2021 đến tháng 8 năm 2022, bị cáo Lê Văn Ng đã cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Lê Hữu Đ, Nguyễn Hoàng O, Lê Thị H, Đới Thị H1, Nguyễn Ngọc S, Hoàng Duy T, Hoàng Xuân D, Lê Tiến Đ1 vay tiền với mức lãi suất từ 120%/năm đến 2.400%/năm (gấp từ 6 đến 10 lần, có lần đến 120 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015). Ng và người vay thỏa thuận người vay sẽ trả lãi vào ngày 10 hàng tháng, quy ước kỳ trả lãi là 30 ngày. Cụ thể như sau:

#### ***Đối với anh Lê Hữu Đ:***

*Lần thứ nhất:* Từ đầu năm 2021, Lê Văn Ng cho Lê Hữu Đ vay tiền nhiều lần với lãi suất 4.000 đồng/triệu/ngày (tương đương mức lãi suất 12%/tháng (144%/năm), gấp 7,2 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự (BLDS). Do thời gian đã lâu nên cả Đ và Ng đều không xác định cụ thể được số tiền vay từng lần và số tiền lãi của từng khoản vay. Đến ngày 28/10/2021, Ng và Đ thống nhất chốt số tiền gốc mà Đ vay Ng là 50.000.000 đồng và tính lãi suất 5.000.000 đồng/tháng (tương đương mức lãi suất 10%/tháng (120%/năm), gấp 6 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của BLDS). Sau khi thống nhất chốt số tiền nợ gốc, Đ hẹn Ng đến ngày 10/6/2022 sẽ trả cả gốc và lãi. Nhưng đến ngày 10/6/2022, do không có tiền để trả gốc và lãi cho Ng nên Đ và Ng đã thống nhất cộng lãi suất 8 tháng (từ 28/10/2021 đến 10/6/2022) là 40.000.000 đồng vào tiền gốc của lần vay ngày 28/10/2021 với tổng số tiền là 90.000.000 đồng và tính lãi suất cho số tiền này là 10.000.000 đồng/tháng (tương đương mức lãi suất 133%/năm, gấp 6,65 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của BLDS). Tính từ ngày 28/10/2021 đến ngày 10/6/2022, số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của BLDS (sau đây gọi tắt là số tiền lãi trong mức quy định) là

6.664.000 đồng đồng, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của BLDS (sau đây gọi tắt là số tiền lãi vượt quá) là 33.336.000 đồng.

*Lần thứ hai:* Ngày 10/7/2022, Ng và anh Đ chốt số tiền lãi từ ngày 10/6/2022 đến ngày 10/7/2022 là 10.000.000 đồng (tương đương mức lãi suất 10% tháng (120%/năm), gấp 6 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS. Do anh Đ không có tiền trả lãi cho Ng nên cả hai đã thống nhất cộng 10.000.000 đồng tiền lãi của lần thứ nhất vào gốc của tháng 6/2022 thành 100.000.000 đồng và thống nhất sẽ tính lãi tháng sau là 13.000.000 đồng/tháng. Từ ngày 10/6/2022 đến ngày 10/7/2022, số tiền lãi trong mức quy định là 1.499.400 đồng, số tiền lãi vượt quá là 8.500.600 đồng.

*Lần thứ ba:* Ngày 10/8/2022 Ng và anh Đ chốt lãi của số tiền gốc 100.000.000 đồng (lãi được tính từ ngày 10/7/2022 đến ngày 10/8/2022) là 13.000.000 đồng (tương đương mức lãi suất 13%/tháng (156%/năm), gấp 7,8 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS). Ngày 10/8/2022, Đ sử dụng tài khoản số 0208201968686 của mình tại ngân hàng Quân đội (MB) chuyển khoản đến số tài khoản 102001365204 tại ngân hàng Vietinbank của Ng trả cho Ng 6.000.000 đồng và ngày 11/8/2022, anh Đ chuyển khoản trả cho Ng 2.000.000 đồng tiền lãi, còn 5.000.000 đồng tiền lãi anh Đ chưa trả. Tính từ ngày 10/7/2022 đến ngày 10/8/2022, số tiền lãi trong mức quy định là 1.666.000 đồng, số tiền lãi vượt quá là 11.334.000 đồng.

Tổng số tiền lãi mà Đ phải trả cho Ng từ ngày 28/10/2021 đến ngày 10/8/2022 là 63.000.000 đồng (số tiền lãi trong mức quy định là 9.830.000 đồng, số tiền lãi vượt quá là 53.170.600 đồng).

#### ***Đối với chị Nguyễn Hoàng O:***

*Lần thứ nhất:* Đầu tháng 02/2022, Ng cho chị Nguyễn Hoàng O vay số tiền 40.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày. Tính đến ngày 10/3/2022, chị O đã trả cho Ng 6.000.000 đồng tiền lãi tương đương mức lãi suất 15% tháng (180%/năm), gấp 9 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS. Số tiền lãi trong mức quy định là 666.400 đồng, số tiền lãi vượt quá là 5.333.600 đồng. Chị O chưa trả số tiền gốc 40.000.000 đồng.

*Lần thứ hai:* Tháng 3/2022, Ng cho chị O vay 15.000.000 đồng. Do khoản nợ gốc lần thứ nhất, chị O chưa trả nên tính gộp cả 02 khoản vay thành số tiền gốc là 55.000.000 đồng và tính lãi suất là 7.500.000 đồng/tháng (tương đương mức lãi suất 13.636%/ tháng (163,632%/năm), gấp 8,1816 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS). Ngày 04/4/2022, chị O sử dụng tài khoản của mình số 104006165528 tại ngân hàng Vietinbank chuyển khoản đến số tài khoản 102001365204 tại ngân hàng Vietinbank của Ng trả cho Ng 7.500.000 đồng tiền lãi từ ngày 10/3/2022 đến ngày 10/4/2022. Số tiền lãi trong

mức quy định từ ngày 10/3/2022 đến ngày 10/4/2022 là 916.300 đồng, số tiền lãi vượt quá là 6.583.700 đồng. Chị O chưa trả số tiền gốc là 55.000.000 đồng.

*Lần thứ ba:* Tháng 4/2022, Ng cho chị vay 5.000.000 đồng. Do khoản nợ gốc lần thứ hai chị O chưa trả nên tính gộp cả 02 khoản vay thành số tiền gốc là 60.000.000 đồng và tiền lãi mà chị O phải trả cho Ng từ ngày 10/4/2022 đến ngày 10/5/2022 là 9.000.000 đồng (tương đương mức lãi suất 15%/ tháng (180%/năm), gấp 9 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS). Số tiền lãi trong mức quy định từ ngày 10/4/2022 đến ngày 10/5/2022 là 999.600 đồng, số tiền lãi vượt quá là 8.000.400 đồng. Chị O không có tiền trả lãi nên chị O và Ng thống nhất cộng tiền lãi tháng này vào gốc cũ, số tiền mà chị O nợ Ng là 69.000.000 đồng.

*Lần thứ tư:* Tháng 5/2022, chị O tiếp tục vay thêm Ng 10.000.000 đồng. Do khoản nợ gốc và lãi lần thứ ba chị O chưa trả nên tính gộp cả 03 khoản vay thành số tiền gốc là 79.000.000 đồng và tính lãi suất là 11.850.000 đồng (tương đương mức lãi suất 15% tháng (180%/năm), gấp 9 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS). Số tiền lãi trong mức quy định từ ngày 10/5/2022 đến ngày 10/6/2022 là 1.316.140 đồng, số tiền lãi vượt quá là 10.533.860 đồng. Chị O đã chuyển khoản trả cho Ng 5.000.000 đồng, còn 6.850.000 đồng thì Ng và chị O thống nhất cộng vào gốc cũ của tháng 5/2022 thành chị O nợ Ng 85.800.000 đồng.

*Lần thứ năm:* Tháng 6/2022, chị O tiếp tục vay thêm của Ng 14.200.000 đồng, do khoản nợ gốc và lãi còn lại lần thứ tư chị O chưa trả nên tính gộp cả 03 khoản vay thành số tiền gốc là 100.000.000 đồng và tính lãi suất là 10.000.000 đồng/tháng (tương đương mức lãi suất 10%/tháng (120%/năm), gấp 6 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 BLDS). Số tiền lãi trong mức quy định từ ngày 10/6/2022 đến ngày 10/7/2022 là 1.666.000 đồng, số tiền lãi vượt quá là 8.334.000 đồng. Sau đó, Ng và chị O thống nhất không tính lãi suất nữa.

Ngoài ra, khoảng cuối tháng 6/2022, chị O có vay thêm của Ng 10.000.000 đồng, không tính lãi suất. Tổng số tiền chị O nợ Ng tính đến cuối tháng 6/2022 là 110.000.000 đồng. Ngày 07/7/2022, mẹ đẻ của chị O là bà Hoàng Thị Thanh Th, sinh năm 1969, trú tại thôn T, xã N, huyện H đã thay chị O trả cho Ng 60.000.000 đồng và ngày 06/8/2022 trả số tiền còn lại là 50.000.000 đồng cho Ng.

Tổng số tiền lãi mà chị O đã trả cho Ng từ khi vay tiền tính lãi đến ngày 10/7/2022 là 44.350.000 đồng. Số tiền lãi trong mức quy định 5.564.440 đồng số tiền lãi vượt quá là 38.785.560 đồng.

***Đối với chị Lê Thị H:***

- Đầu tháng 02/2022, Ng cho chị Lê Thị H vay số tiền 60.000.000 đồng với lãi suất là 9.000.000 đồng/tháng tương đương mức lãi suất 15%/tháng (180%/năm), gấp 9 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS. Tính đến ngày 10/03/2022, số tiền lãi chị H phải trả cho Ng là 9.000.000 đồng. Số tiền lãi trong mức quy định từ thời điểm vay đến ngày 10/03/2022 là 999.600 đồng, số tiền lãi vượt quá là 8.000.400 đồng. Ngày 07/3/2022, chị H đã đưa tiền nhờ chị Nguyễn Hoàng O chuyển khoản trả cho Ng 5.000.000 đồng, còn lại 4.000.000 đồng, chị H và Ng thống nhất cộng vào gốc, do đó số tiền gốc là 64.000.000 đồng.

- Tính từ ngày 10/3/2022 đến ngày 10/4/2022, tiền lãi mà chị H phải trả cho Ng là 9.600.000 đồng. Số tiền lãi trong mức quy định là 1.066.240 đồng, số tiền Ng thu lợi bất chính từ việc cho chị H vay tiền tính lãi tính từ ngày 10/3/2022 đến ngày 10/4/2022 là 8.533.760 đồng. chị H đã đưa cho Chị O 7.500.000 đồng nhờ chị O trả cho Ng, còn lại 2.100.000 đồng thì chị H và Ng thống nhất cộng 2.000.000 đồng vào gốc thành chị H nợ Ng 66.000.000đ (số tiền 100.000 đồng Ng cho H)

- Từ ngày 10/4/2022 đến ngày 10/5/2022, tiền lãi mà chị H phải trả cho Ng là 9.900.000 đồng. Số tiền lãi trong mức quy định là 1.099.560 đồng, số tiền lãi vượt quá là 8.800.440 đồng. Chị H đã đưa số tiền 9.900.000 đồng cho chị O nhờ chị O trả lãi cho Ng.

- Từ ngày 10/5/2022 đến ngày 10/6/2022, tiền lãi chị H phải trả cho Ng là 9.900.000 đồng. Số tiền lãi trong mức quy định là 1.099.560 đồng, số tiền lãi vượt quá là 8.800.440 đồng. Chị H đã trả cho Ng 900.000 đồng, còn 9.000.000 đồng thì chị H và Ng thống nhất cộng vào tiền gốc thành 75.000.000 đồng.

- Từ ngày 10/6/2022 đến ngày 10/7/2022, tiền lãi mà chị H phải trả cho Ng là 11.250.000 đồng. Số tiền lãi trong mức quy định là 1.249.500 đồng, số tiền lãi vượt quá là 10.000.500 đồng. Ngày 08/7/2022, chị H đã đưa cho chị O 9.750.000 đồng nhờ chị O chuyển khoản cho Ng, còn 1.500.000 đồng chị H chưa trả cho Ng.

Từ ngày 10/7/2022 đến ngày 10/8/2022, tiền lãi chị H phải trả cho Ng là 11.250.000 đồng. Số tiền lãi trong mức quy định là 1.249.500 đồng, số tiền lãi vượt quá là 10.000.500 đồng. Chị H đã đưa cho chị O 5.000.000 đồng nhờ chị O chuyển khoản cho Ng, còn lại 6.250.000 đồng H chưa trả.

Tổng số tiền lãi mà chị H phải trả cho Ng từ đầu tháng 02/2022 đến ngày 10/8/2022 là 60.900.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi trong mức quy định là 6.763.960 đồng, tổng số tiền lãi vượt quá là 54.136.040 đồng. Hiện tại H còn nợ Ng 82.750.000 đồng

Ngoài ra, ngày 13/4/2022, Lê Thị H có vay của Lê Văn Ng 20.000.000 đồng và hẹn trong thời hạn 01 tháng sẽ trả. Ng cho chị H vay tiền và lấy 300.000 đồng tiền lãi đôi với khoản vay này. Ngày 29/4/2022, H đã trả cho Ng 20.000.000 đồng tiền gốc và 300.000 đồng tiền lãi.

***Đôi với chị Đới Thị H1:***

Ngày 10/4/2021, Ng cho chị Đới Thị H1 vay số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 7.500.000 đồng/tháng tương đương mức lãi suất 15%/tháng (180%/năm), gấp 9 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS. Từ ngày 10/5/2021 đến ngày 10/07/2021 (03 tháng), chị H1 đã trả cho Ng 22.500.000 đồng tiền lãi. Số tiền lãi trong mức quy định từ ngày 10/4/2021 đến ngày 10/7/2021 là 2.499.000 đồng, số tiền lãi vượt quá là 20.001.000 đồng.

Ng và chị H1 thống nhất thỏa thuận lãi kể từ ngày 10/7/2021 là 6.000.000 đồng/tháng. Số tiền lãi chị H1 trả cho N từ 10/7/2021 đến tháng 8/2022 (13 tháng) là 78.000.000 đồng (chị H1 đã trả cho Ng bằng tiền mặt và Ng rút tiền từ trong thẻ ATM của chị Nguyễn Thị Hồng H2, sinh năm 2003, cư trú tại thôn T, xã N, huyện H là con gái chị H1). Số tiền lãi trong mức quy định là 10.829.000 đồng, số tiền lãi vượt quá là 67.171.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi chị H1 phải trả và đã trả cho Ng từ ngày 10/4/2021 đến ngày 10/08/2022 là 100.500.000 đồng trong đó số tiền lãi trong mức quy định là 13.328.000 đồng, số tiền lãi vượt quá là 87.172.000 đồng. Tổng số tiền hiện tại chị H1 còn nợ Ng tính lãi suất là 50.000.000 đồng.

Ngoài ra, Ng còn cho chị H1 vay 2.000.000 đồng để mua thuốc cho con. Số tiền 2.000.000 đồng này Ng cho chị H1 vay không tính lãi.

***Đôi với anh Nguyễn Ngọc S:***

*Lần thứ nhất:* Từ 02/2022, Ng cho Nguyễn Ngọc S vay số tiền 30.000.000 đồng và 2.000.000 đồng. Tổng số tiền S vay của Ng là 32.000.000 với lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày tương đương mức lãi suất 15%/tháng (180%/năm), gấp 9 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS. Ng và anh S thống nhất tính đến ngày 10 của tháng sau đó là tròn một tháng (30 ngày tiền lãi). Đến ngày 10/3/2022, tiền lãi S phải trả Ng là 4.800.000 đồng. Số tiền lãi trong mức quy định từ thời điểm vay đến ngày 10/3/2022 là 533.120 đồng, số tiền lãi vượt quá là 4.266.880 đồng. Do S không có tiền trả lãi nên S và Ng thống nhất cộng vào gốc thành 36.800.000 đồng.

*Lần thứ hai:* Ngày 30/3/2022, S vay thêm của Ng 2.000.000 đồng (Ng và S cũng thống nhất đến ngày 10/4/2022 là tròn 01 tháng (30 ngày) tiền lãi), do tiền gốc và lãi của lần thứ nhất chưa trả nên cộng cả 03 khoản là 38.800.000 đồng. Tiền lãi mà S phải trả cho Ng là 5.820.000 đồng. Số tiền lãi tối đa mà Ng được phép thu theo quy định của pháp luật là 646.408 đồng. Như vậy, số tiền Ng

thu lợi bất chính từ ngày 10/3/2022 đến ngày 10/4/2022 là 5.173.592 đồng. S chưa trả tiền gốc.

*Lần thứ ba:* Tháng 4/2022, S vay thêm của Ng số tiền là 7.000.000 đồng. Ng và S cũng thống nhất đến ngày 10/5/2022 là tròn 01 tháng (30 ngày) phải trả tiền lãi, do tiền gốc của lần thứ hai chưa trả nên tổng số tiền S nợ Ng là 45.800.000 đồng. Đến ngày 10/5/2022, tiền lãi mà S phải trả cho Ng là 6.870.000 đồng. Số tiền lãi trong mức quy định là 763.028 đồng, số tiền lãi vượt quá từ ngày 10/4/2022 đến ngày 10/5/2022 là 6.106.972 đồng.

Từ ngày 10/5/2022 đến ngày 10/6/2022, tiền lãi mà S phải trả cho Ng là 6.870.000 đồng. Số tiền lãi trong mức quy định là 763.028 đồng, số tiền lãi vượt quá từ ngày 10/5/2022 đến ngày 10/6/2022 là 6.106.972 đồng. S đã chuyển khoản trả Ng 4.000.000 đồng còn 2.870.000 đồng thì S trả tiền mặt cho Ng.

Từ ngày 10/6/2022 đến ngày 10/7/2022, tiền lãi mà S phải trả cho Ng là 6.870.000 đồng. Số tiền lãi trong mức quy định là 763.028 đồng, số tiền lãi vượt quá từ ngày 10/6/2022 đến ngày 10/7/2022 là 6.106.972 đồng. S đã chuyển khoản cho Ng 1.500.000 đồng tiền lãi và trả cho Ng 170.000 đồng tiền mặt, còn 5.200.000 đồng thì S và Ng thống nhất cộng vào gốc thành S nợ Ng 51.000.000 đồng.

Từ ngày 10/7/2022 đến ngày 10/8/2022, tiền lãi mà S phải trả cho Ng là 7.650.000 đồng. Số tiền lãi trong mức quy định là 849.660 đồng, số tiền lãi vượt quá từ ngày 10/7/2022 đến ngày 10/8/2022 là 6.800.340 đồng. S đã trả cho Ng 7.000.000 đồng tiền lãi, còn 650.000 đồng chưa thanh toán.

Tổng số tiền lãi S phải trả cho Ng tính từ thời điểm vay đến ngày 10/8/2022 là 38.880.000 đồng. Số tiền lãi trong mức quy định là 4.318.272 đồng, số tiền lãi vượt quá từ thời điểm vay đến ngày 10/8/2022 là 34.561.728 đồng.

Hiện tại, S còn nợ Ng 51.650.000 đồng, trong đó tiền gốc (do cộng dồn và nhập lãi) là 51.000.00 đồng, tiền lãi là 650.000 đồng.

#### ***Đối với anh Hoàng Duy T:***

Ngày 02/5/2021, Nguyên cho Hoàng Duy T vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất là 4.000 đồng/triệu/ngày (2.400.000 đồng/tháng) tương đương mức lãi suất 12%/tháng (144%/năm), gấp 7,2 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS. Ng và anh T thống nhất đến ngày 10 hàng tháng là phải trả lãi của tháng trước đó (tính tròn 30 ngày). Từ ngày 10/5/2021 đến ngày 10/8/2022 (15 tháng), tiền lãi mà T phải trả cho Ng là 36.000.000 đồng. Tính từ ngày 02/5/2021 đến 10/8/2022, số tiền lãi trong mức quy định là 4.998.000 đồng, số tiền lãi vượt quá là 31.002.000 đồng.

Tổng số tiền lãi mà T đã trả cho Ng là 33.600.000 đồng, còn nợ tiền lãi từ ngày 10/7/2022 đến ngày 10/8/2022 là 2.400.000 đồng. Hiện tại, T còn nợ Ng 22.400.000 đồng (trong đó tiền gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi là 2.400.000 đồng).

***Đối với anh Hoàng Xuân D:***

*Lần thứ nhất:* Ngày 16/7/2022, Ng cho Hoàng Xuân D vay 5.000.000 đồng và thỏa thuận trong thời hạn 01 tháng sẽ trả với lãi suất tính 5.000 đồng/triệu/ngày, tương đương mức lãi suất 15%/tháng (180%/năm), gấp 9 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS. Tính từ ngày 16/7/2022 đến ngày 12/8/2022 (26 ngày), số tiền lãi D phải trả theo thỏa thuận cho Ng là 650.000 đồng. Số tiền lãi trong mức quy định là 71.500 đồng, số tiền lãi vượt quá là 578.500 đồng. Anh D đã trả tiền gốc 5.000.000 đồng và 650.000 đồng tiền lãi.

*Lần thứ hai:* Ngày 29/7/2022, D tiếp tục vay Ng 15.000.000 đồng và hẹn trong thời hạn 15 ngày sẽ trả cho Ng. D và Ng thống nhất tiền lãi đối với khoản vay này là 1.100.000 đồng, tương đương mức lãi suất 14,666%/tháng (175,992%/năm), gấp 8,7996 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS. Số tiền lãi trong mức quy định là 123.750 đồng, số tiền lãi vượt quá là 976.250 đồng. Anh D đã trả cho Ng số tiền gốc là 15.000.000 đồng và 100.000 đồng tiền lãi của 15 ngày, còn số tiền lãi 1.000.000 đồng anh D chưa thanh toán cho Ng.

Tổng số tiền lãi mà D phải trả cho Ng đối với 02 khoản vay là 1.750.000 đồng. Số tiền lãi trong mức quy định là 195.250 đồng, số tiền lãi vượt quá là 1.554.750 đồng. Anh D đã trả cho Ng tổng số tiền gốc là 20.000.000 đồng và 750.000 đồng tiền lãi, còn 1.000.000 đồng tiền lãi chưa thanh toán.

***Đối với anh Lê Tiến Đ1:***

*Lần thứ nhất:* Tháng 7/2022, Ng cho anh Lê Tiến Đ1 vay 9.000.000 đồng với lãi suất 1.400.000 đồng/tháng tương đương mức lãi suất 15,555%/tháng (186,66%/năm), gấp 9,333 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS. Số tiền lãi một tháng trong mức quy định là 149.490 đồng, số tiền lãi vượt quá là 1.250.060 đồng. Anh Đ1 đã trả cho Ng 10.300.000 đồng, trong đó gồm 9.000.000 đồng tiền gốc và 1.300.000 đồng tiền lãi, còn 100.000 đồng tiền lãi thì Ng cho Đ1.

*Lần thứ hai và lần thứ ba:* Ngày 31/7/2022, anh Đ1 vay của N 1.000.000 đồng và hẹn đến ngày 03/8/2022 sẽ trả cho Ng. Đ1 và Ng thống nhất lãi suất là 200.000 đồng trong hạn là 03 ngày, tương đương mức lãi suất 6,666%/ngày (200% tháng = 2.400%/năm), gấp 120 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS. Đến ngày 03/8/2022, anh Đ1 chưa thanh toán số tiền gốc là



1.000.000 đồng và 200.000 đồng tiền lãi cho Ng. Số tiền lãi trong mức quy định (03 ngày) là 1.650 đồng, số tiền lãi vượt quá là 198.350 đồng. Ngày 04/8/2022, anh Đ1 vay thêm của Ng 800.000 đồng, anh Đ1 và Ng thống nhất cộng cả gốc và lãi chưa trả của khoản vay trước đó vào thành gốc, do đó, số tiền gốc anh Đ1 nợ Ng là 2.000.000 đồng. Ngày 08/8/2022, Đ1 tiếp tục vay thêm của Ng 1.000.000 đồng. Ng và anh thống nhất tổng số tiền gốc nợ Ng 3.000.000 đồng tính từ ngày 04/8/2022 và lãi suất là 500.000 đồng/tháng, tương đương mức lãi suất 200%/năm, gấp 10 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS. Đ1 chưa trả lãi và số tiền gốc 3.000.000 đồng cho Ng.

Tổng số tiền lãi mà Đ1 phải trả cho Ng đối với các khoản vay là 1.600.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi trong mức quy định là 151.140 đồng, số tiền lãi vượt quá là 1.448.410 đồng.

Ngày 12/8/2022. Công an huyện Hoa Lư nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc Lê Văn Ng cho nhiều người vay tiền với lãi suất cao. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoa Lư đã tiến hành triệu tập Lê Văn Ng và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án để làm việc và tiến hành khám xét chỗ ở của Lê Văn Ng. Tại cơ quan điều tra, Lê Văn Ng và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khai nhận Lê Văn Ng cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vay tiền với lãi suất cao như đã nêu trên. Lê Văn Ng đã tự giác giao nộp thêm số tiền 10.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoa Lư đã tiến hành thu giữ của Lê Văn Ng 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, kiểu máy Iphone 11, màu đen, số máy: MWKM2LL/A, số sê-ri: DNPZLLBDN72J, số Imei: 353977106666078, bên trong lắp kèm 01 nanosim viettel có số ICCID: 8984048000079284354 (số thuê bao 0333866192); 01 thẻ ATM do ngân hàng VietinBank phát hành, trên bề mặt thẻ ATM có dãy số “9704150104440121” và các kí tự “LE VAN NGUYEN”; 01 giấy cho vay tiền tính lãi đề ngày 28/12/2020; 01 giấy vay tiền tính lãi cá nhân đề ngày 27/8/2020; 01 giấy cho vay tiền tính lãi đề ngày 10/6/2022; 01 giấy cho vay tiền tính lãi đề ngày 10/5/2022; 01 giấy cho vay tiền tính lãi đề ngày 2/5/2021; 01 giấy vay nợ cá nhân đề ngày 10/4/2021; 02 tờ giấy thống kê người vay và số tiền 2.250.000 đồng; thu giữ của Lê Tiến Đạt 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, kiểu máy Iphone Xs Max, màu trắng, có số Imei: 353094105061481, bên trong lắp sim số 0387918836; thu của Lê Hữu Đô 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, kiểu máy Iphone 11, màu đen, số máy MHDA3VN/A, số Imei: 355487736803115, bên trong lắp sim số 0384848518; thu giữ của Nguyễn Ngọc Sơn 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A20, màu đen, số máy SM-A205F/DS, có các số Imei lần lượt là: 357648101983653 và 35764910983651, bên trong lắp sim số 0788090957 và 0966982060.

Cơ quan điều tra đã chuyển theo hồ sơ vụ án: 01 giấy cho vay tiền đề ngày 28/12/2020, 01 giấy vay tiền cá nhân đề ngày 27/8/2020, 01 giấy cho vay tiền đề ngày 10/6/2022, 01 giấy cho vay tiền tính lãi đề ngày 10/5/2022, 01 giấy cho vay tiền đề ngày 2/5/2021, 01 giấy vay nợ cá nhân đề ngày 10/4/2021, 02 tờ giấy thống kê người vay. Đối với những chiếc điện thoại di động, thẻ ATM và số tiền 12.250.000 đồng đã thu được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoa Lư quản lý.

Cáo trạng số 36/CT-VKSHL ngày 30/11/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư truy tố bị cáo về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự (viết tắt là BLHS). Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX):

- Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 của BLHS xử phạt bị cáo từ 250 triệu đồng đến 300 triệu đồng.

- Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự (viết tắt là BLTTHS), khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của BLHS, tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động thu giữ của bị cáo; buộc bị cáo phải nộp lại ngân sách nhà nước đối với số tiền lãi trong mức quy định, số tiền gốc mà bị cáo đã nhận từ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với tổng số tiền là 156.519.062 đồng và buộc bị cáo phải trả lại số tiền lãi vượt quá đã nhận cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: chị O là 38.785.560 đồng, chị H là 31.286.040 đồng, chị H1 là 87.172.000 đồng, anh S là 23.911.728 đồng, anh T là 28.602.000 đồng, anh D là 554.750 đồng, anh Đ1 là 1.148.860 đồng; buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền gốc đã vay và số tiền lãi trong hạn nhưng chưa trả cho bị cáo, cụ thể: anh Đ là 51.829.400 đồng, chị H là 60.000.000 đồng, chị H1 là 50.000.000 đồng, anh T là 20.000.000 đồng, anh S là 41.000.000 đồng, anh Đ1 là 2.800.000 đồng; tịch thu tiêu hủy 01 thẻ ATM do Ngân hàng Vietinbank phát hành có ký tự LE VAN NGUYEN. Tiếp tục quản lý số tiền 12.250.000 đồng của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng Điều 136 của BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận đã thực hiện các hành vi nêu trên, không tranh luận với luận tội của đại diện Viện Kiểm sát. Bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tội danh: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện: Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2021 đến tháng 8/2022, tại địa bàn xã N, huyện H, bị cáo đã cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Lê Hữu Đ, Nguyễn Hoàng O, Lê Thị H, Đới Thị H1, Nguyễn Ngọc S, Hoàng Duy T, Hoàng Xuân D, Lê Tiến Đ1 vay tiền với mức lãi suất từ 120 %/năm đến 2.400%/năm (gấp từ 6 đến 10 lần, có lần đến 120 lần so với mức lãi xuất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 BLDS để thu lợi bất chính số tiền 301.831.088 đồng. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 201 BLHS.

[2] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong các lần bị cáo cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vay tiền có nhiều lần số tiền lãi bất chính trên 30 triệu đồng nên cần xác định bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS. Bị cáo đã khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải, đã tự nguyện nộp trước một phần số tiền phải thi hành án là 12.250.000 đồng nên cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân và xâm phạm đến chế độ quản lý của nhà nước về tài chính, ngân hàng gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương, thể hiện sự coi thường pháp luật của bị cáo.

[4] Về hình phạt đối với bị cáo: Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, căn cứ nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, xét thấy không cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mà chỉ cần buộc bị cáo phải chịu mức hình phạt tiền cũng có tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo.

[5] Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ: Chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo, số tiền gốc bị cáo dùng để cho vay là phương tiện dùng vào việc phạm tội, số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20% của khoản vay là số tiền phát sinh từ tội phạm nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20% của khoản vay là tiền thu lời bất chính cần buộc bị cáo trả lại cho người vay. 01 thẻ ATM do Ngân hàng Vietinbank phát hành có ký tự LE VAN NGUYEN là công cụ bị cáo dùng phạm tội, không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy. Đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa là chính xác, phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hoa Lư, điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư, kiểm sát viên

trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Các vấn đề khác: Ngoài những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, Ng còn cho chị Phạm Thị N, sinh năm 1982, cư trú tại thôn Tr, xã Y, huyện Y vay số tiền 20.000.000 đồng; anh Đinh Xuân T, sinh năm 1995, cư trú tại phố A, phường N, thành phố Ninh Bình vay 5.000.000 đồng; anh Vũ Văn Tr, sinh năm 1989, địa chỉ: phố T, phường T, thành phố Ninh Bình vay số tiền 5.000.000 đồng; Phạm Đức Th, sinh năm 1974, cư trú tại thôn T, xã vay 2.000.000 đồng và Tạ Thị Th, sinh năm 1981, cư trú tại thôn D, xã N vay 10.000.000 đồng. Ng khai nhận cho những người này vay tiền không tính lãi suất nên không xử lý đối với Ng về những hành vi này.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Lê Văn Ng phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 35 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Lê Văn Ng 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng.

### **2. Biện pháp tư pháp:**

Căn cứ khoản 2 Điều 106 của BLTTHS, điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của BLHS; Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Apple, kiểu máy Iphone 11, màu đen, số máy: MWKM2LL/A, số sê-ri: DNPZLLBDN72J, số Imei: 353977106666078, bên trong lắp kèm 01 nanosim viettel có số ICCID: 8984048000079284354 (số thuê bao 0333866192) thu giữ của bị cáo;

Tịch thu tiêu huỷ 01 thẻ ATM do Ngân hàng Vietinbank phát hành có ký tự LE VAN NGUYEN;

Trả lại các điện thoại thu giữ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: 01 điện thoại di động Apple, kiểu Iphone Xs Max, màu trắng, có số Imei: 353094105061481, bên trong lắp sim số 0387918836 cho anh Lê Tiến Đ1, 01 điện thoại di động Apple, kiểu Iphone 11, màu đen, số máy MHDA3VN/A, số Imei: 355487736803115, bên trong lắp sim số 0384848518 cho anh Lê Hữu Đ,

01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A20, màu đen, số máy SM-A205F/DS, có các số Imei lần lượt là 357648101983653 và 35764910983651, bên trong lắp sim số 0788090957 và 0966982060 cho anh Nguyễn Ngọc S.

Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền lãi trong mức quy định, số tiền gốc mà những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã trả cho bị cáo với tổng số tiền là 156.519.062 (*một trăm năm mươi sáu triệu năm trăm mười chín nghìn không trăm sáu mươi hai*) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo phải trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền lãi vượt quá đã nhận gồm: phải trả chị O 38.785.560 (*ba mươi tám triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm sáu mươi*) đồng, phải trả chị H 31.286.040 (*ba mươi một triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn không trăm bốn mươi*) đồng, phải trả chị H1 87.172.000 (*tám mươi bảy triệu một trăm bảy mươi hai nghìn*) đồng, phải trả anh S 23.911.728 (*hai mươi ba triệu chín trăm mười một nghìn bảy trăm hai mươi tám*) đồng, phải trả anh T 28.602.000 (*hai mươi tám triệu sáu trăm linh hai nghìn*) đồng, phải trả anh D 554.750 (*năm trăm năm mươi tư nghìn bảy trăm năm mươi*) đồng, phải trả anh Đ1 1.148.860 (*một triệu một trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm sáu mươi*) đồng.

Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp lại số tiền gốc đã nhận của bị cáo và số tiền lãi trong mức quy định chưa trả cho bị cáo để sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể: anh Đ phải nộp 51.829.400 (*năm mươi một triệu tám trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm*) đồng, chị H phải nộp 60.000.000 (*sáu mươi triệu*) đồng, chị H1 phải nộp 50.000.000 (*năm mươi triệu*) đồng, anh T phải nộp 20.000.000 (*hai mươi triệu*) đồng, anh S phải nộp 41.000.000 (*bốn mươi một triệu*) đồng, anh Đ1 phải nộp 2.800.000 (*hai triệu tám trăm nghìn*) đồng.

Tiếp tục quản lý số tiền 12.250.000 (*mười hai triệu hai trăm năm mươi nghìn*) đồng đã thu của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

(*Những chiếc điện thoại, thẻ ATM và số tiền 12.250.000 đồng nêu trên đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoa Lư theo Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 01/12/2022 và Ủy nhiệm chi ngày 06/12/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hoa Lư và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoa Lư*)

**3. Án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội, buộc bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Hoa Lư;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Công an huyện Hoa Lư;
- THADS huyện Hoa Lư;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Vũ Thị Kim Oanh**